

UBND TỈNH THANH HOÁ  
**SỞ LAO ĐỘNG-TB VÀ XÃ HỘI**

Số: /SLĐTBXH - BTXH

V/v rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo  
phát sinh năm 2022.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày tháng 5 năm 2022

Kính gửi: Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 6148/UBND-VX ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025; Công văn số 102/CV-VPQGGN của Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh năm 2022; Công văn số 1386/LĐTBXH-VPQGGN ngày 29/4/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo BCĐ rà soát hộ nghèo hộ cận nghèo cấp huyện, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện nghiêm túc Công văn số 6148/UBND-VX ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh.

2. Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tập trung rà soát đối với các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn đã có giấy đề nghị; bảo đảm việc thu thập thông tin về tài sản để ước lượng thu nhập của hộ gia đình đúng theo quy định tại điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và theo nội dung mới được sửa đổi, bổ sung tại phiếu B ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

3. Đối với hộ gia đình bổ sung giấy đề nghị rà soát mới: bố trí lực lượng rà soát viên đủ về số lượng để khẩn trương hoàn thành thủ tục rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh mới năm 2022.

4. Hướng dẫn lực lượng rà soát viên về một số nội dung sửa đổi, bổ sung chính của bộ công cụ rà soát (*có phụ lục kèm theo*), trong đó lưu ý nội dung sau:

- Về tính điểm số người trong độ tuổi lao động: không tính điểm đối với người không có khả năng lao động; người khuyết tật đang hưởng trợ cấp hằng tháng; người bị bệnh hiểm nghèo (Danh mục bệnh hiểm nghèo theo Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ).

- Về hộ gia đình thuộc diện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: là những người cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về cư trú.

Đề nghị Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện, bảo đảm báo cáo theo đúng tiến độ yêu cầu tại Công văn số 1400/SLĐTBXH-BTXH ngày 06/5/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để kịp thời tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- BCD rà soát HN, HCN tỉnh (để p/h);
- Lưu: VT, BTXH VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Minh Hành**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số /SLĐTBXH-BTXH ngày /5/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

Những nội dung mới của Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình:

1. Thay thế Phụ lục III của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH, trong đó:

- Sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ tại các mẫu số từ 3.1 đến 3.2 bảo đảm theo các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

- Điều chỉnh điểm số Phiếu B1 chi tiết theo từng vùng (thực hiện theo bảng quy ước tại Mẫu số 3.3 Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH), trong đó các nội dung điều chỉnh: điểm về nhân khẩu, điểm về số người lao động trong độ tuổi lao động (không tính điểm đối với người mất khả năng lao động, người khuyết tật đang hưởng trợ cấp hằng tháng, người bị bệnh hiểm nghèo); điểm về số người lao động trong độ tuổi lao động; điểm về nhà ở; điểm về tiêu thụ điện; điểm về hồ xí tự hoại và bán tự hoại; điểm về xe máy; điểm về điều hòa nhiệt độ, máy giặt, bình tắm nước nóng, lò vi sóng đối với một số vùng; điểm về đất đai, chăn nuôi; điểm thành thị của vùng nông thôn Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung.

2. Thay thế Phụ lục IV của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH bằng Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH, trong đó:

- Sửa đổi khoản 1 mục I như sau: “1. Hộ gia đình thuộc diện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

Hộ gia đình thuộc diện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là những người cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về cư trú.”.

- Sửa đổi tiêu đề khoản 2 mục I “Thành viên hộ gia đình” thành “Thành viên của hộ gia đình thuộc diện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo”.

- Điểm a, điểm b khoản 2 mục I: bỏ các cụm từ “từ 06 tháng trở lên trong năm”, “chưa đủ 06 tháng”, “từ 06 tháng/năm trở lên”.

- Sửa đổi khoản 9 mục I như sau: “Diện tích đất đai của hộ gia đình gồm diện tích đất đai mà hộ gia đình có quyền sử dụng hoặc đi thuê để khai thác, sử dụng. Diện tích đất đai mà hộ gia đình cho thuê thì được tính cho cả hộ cho thuê và hộ đi thuê.”.

3. Thay thế các Mẫu số 7.8, Mẫu số 7.9, Mẫu số 7.10 Phụ lục VII của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH bằng các Mẫu số 7.8, Mẫu số 7.9, Mẫu số 7.10 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH, trong đó bổ sung số liệu tổng hợp về hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng, dân tộc và nguyên nhân nghèo.